

Số: 392/QĐ-STC.

Đồng Nai, ngày 12 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước -
chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2026**

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và mức bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3079/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Ngân sách nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao cho các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh, Văn phòng Tỉnh Ủy dự toán chi ngân sách năm 2026 (theo Phụ lục đính kèm).

Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy có trách nhiệm triển khai giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc trước ngày 31/12/2025. Thực hiện công khai và báo cáo kết quả phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước.

Điều 2. Giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương, cho Ủy ban nhân dân các xã, phường năm 2026 (theo phụ lục đính kèm).

Căn cứ dự toán ngân sách năm 2026 được giao, đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường sắp xếp các nhiệm vụ chi, phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước đảm bảo:

Tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương trong năm 2026 theo quy định từ một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan, đơn vị; tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con

người theo chế độ);. Đồng thời, dành 70% nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách địa phương so với dự toán năm 2025 để tạo nguồn cải cách tiền lương trong năm 2026.

Đối với nguồn tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất), loại trừ thêm một số khoản thu gắn với nhiệm vụ chi cụ thể, gồm: thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã.

Chủ động bố trí ngân sách địa phương để thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội do Trung ương và Tỉnh ban hành theo quy định. Căn cứ kết quả thực hiện, Ủy ban nhân dân các xã, phường báo cáo gửi Sở Tài chính để trình cấp có thẩm quyền bổ sung kinh phí cho ngân sách địa phương theo chế độ quy định.

Điều 3. Ủy ban nhân dân các xã, phường trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán của ngân sách địa phương và tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước. Chậm nhất 05 ngày sau khi dự toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, Ủy ban nhân dân các xã, phường báo cáo Sở Tài chính về dự toán ngân sách, thực hiện công khai theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Kho bạc Nhà nước khu vực XVII;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Thuế tỉnh.
- Chi cục Hải quan khu vực XVIII;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu VT, HCSN, ĐT, NSNN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Anh Tú

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 392/QĐ-STC ngày 12/12/2025 của Sở Tài chính về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2026).

Của đơn vị: **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Mã ĐVQHNS:1134465

Mã KBNN nơi giao dịch: 1761

Chương 417

Đvt: triệu đồng

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
		(1)=(2)+(3)	(2)	(3)
	I/ DỰ TOÁN THU NS:			
	1/ Tổng dự toán thu	704		
	- Thu phí:	664		
	- Thu lệ phí:	40		
	- Thu khác	0		
	2/ Tổng số chi phí (các khoản nộp ngân sách, chi phí trực tiếp)	704		
	- Thu phí:	664		
	- Thu lệ phí:	40		
	- Thu khác	0		
	II/ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH:	152.523	13.993	138.530
	Bao gồm:			
340/341	A. Chi Quản lý nhà nước:	21.127	840	20.287
	1.Kinh phí thường xuyên (tự chủ)	20.374	840	19.534
	<i>Chi con người</i>	<i>11.974</i>	<i>0</i>	<i>11.974</i>
	<i>Chi hoạt động (105 biên chế x 80 triệu)</i>	<i>8.400</i>	<i>840</i>	<i>7.560</i>
	2.Kinh phí không thường xuyên (không tự chủ)	753	0	753
	<i>Khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP (Mã nguồn 18)</i>	<i>753</i>	<i>0</i>	<i>753</i>
	B. Chi sự nghiệp	131.396	13.153	118.243
100	I. Sự nghiệp Khoa học và Công nghệ	131.396	13.153	118.243
	<i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i>	<i>131.396</i>	<i>13.153</i>	<i>118.243</i>
	1. NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ (CẤP TỈNH, CƠ SỞ):	26.031	2.603	23.428
	- <i>Nhiệm vụ chuyển tiếp cấp tỉnh</i>	<i>2.411</i>	<i>241</i>	<i>2.170</i>
	- <i>Nhiệm vụ mở mới cấp tỉnh</i>	<i>21.950</i>	<i>2.195</i>	<i>19.755</i>
	- <i>Nhiệm vụ chuyển tiếp cấp cơ sở, biên giới</i>	<i>816</i>	<i>82</i>	<i>734</i>
	- <i>Nhiệm vụ mở mới cấp cơ sở, biên giới</i>	<i>854</i>	<i>85</i>	<i>769</i>
	2. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ:	0	0	0

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
	3. CHI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC THƯỜNG XUYÊN - HOẠT ĐỘNG QL VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYÊN ĐỔI SỐ	105.365	10.550	94.815
	3.1. Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng:	2.285	229	2.056
	- Hoạt động Giải thưởng Chất lượng Việt Nam (sơ tuyển địa phương)	200	20	180
	- Tổ chức các hội nghị, tập huấn, khóa đào tạo và hoạt động kiểm tra về Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	350	35	315
	- Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”	300	30	270
	- Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc	600	60	540
	- Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 -2030	185	19	166
	- Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Ban Bí thư về “đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo	150	15	135
	- Thực hiện theo chức năng chuyên ngành về quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng	500	50	450
	++ Khảo sát, đánh giá chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường	150	15	135
	++ Kiểm tra chuyên ngành lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng; công tác phí, thuê xe	150	15	135
	++ Tham gia các Hội nghị, hội thảo, tập huấn và khóa đào tạo, trao đổi kinh nghiệm ... về lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	200	20	180
	3.2. Hoạt động quản lý chuyên ngành về an toàn bức xạ, hạt nhân (Luật năng lượng nguyên tử và Nghị định 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020)	1.180	118	1.062
	- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước sau cấp phép Hoạt động hậu kiểm tại các cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế và các thiết bị bức xạ chuyên dụng khác	150	15	135

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
	- Cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân cấp tỉnh	90	9	81
	- Kế hoạch diễn tập ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân của tỉnh Đồng Nai	600	60	540
	- Kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo về lĩnh vực An toàn, bức xạ hạt nhân phục vụ các nhiệm vụ QLNN	70	7	63
	- Tham gia các hội nghị, hội thảo, các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực An toàn bức xạ, hạt nhân và năng lượng nguyên tử phục vụ công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, đào tạo....	150	15	135
	- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các khóa đào tạo trong lĩnh vực An toàn bức xạ, hạt nhân và năng lượng nguyên tử phục vụ công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, đào tạo	120	12	108
	3.3. Hoạt động quản lý về Sở hữu trí tuệ:	3.360	336	3.024
	3.3.1. Kế hoạch triển khai hoạt động sáng kiến tỉnh Đồng Nai năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ;	1.220	122	1.098
	- Hội đồng công nhận sáng kiến	200	20	180
	- Thuê và vận hành nền tảng số dùng chung phục vụ chuyển đổi số trong hoạt động sáng kiến (phần mềm sáng kiến) gồm: thuê phần mềm; quản trị, vận hành, bảo trì hệ thống; Hosting và tên miền	800	80	720
	- Tập huấn sử dụng nền tảng số dùng chung phục vụ chuyển đổi số trong hoạt động sáng kiến (phần mềm sáng kiến)	220	22	198
	3.3.2. Kế hoạch thực hiện Chiến lược Sở hữu trí tuệ và Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ, gồm nhiệm vụ chính theo Kế hoạch:	1.650	165	1.485
	- Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ dưới hình thức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	900	90	810
	- Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển tài sản trí tuệ (hỗ trợ theo Nghị quyết 30/2022/NQ-HĐND)	750	75	675
	3.3.3. Đào tạo, tập huấn, hội nghị	490	49	441
	- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, hội thảo, hội nghị... về Sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh	250	25	225
	- Tổ chức đoàn học tập kinh nghiệm về công tác quản lý SHTT (quản lý CDĐL, NHTT, NHCN,)	150	15	135



LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
	- Tham dự hội thảo, hội nghị, tập huấn, đào tạo thuộc lĩnh vực SHTT	90	9	81
	3.4. Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo (Đổi mới sáng tạo)	4.866	487	4.379
	- Triển khai các nhiệm vụ và giải pháp về thông tin, tuyên truyền.	680	68	612
	+ Tổ chức sự kiện ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Đồng Nai; Tham gia Ngày hội khởi nghiệp Quốc gia, quốc tế	680	68	612
	- Triển khai các nhiệm vụ và giải pháp phát triển hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo	956	96	860
	-Triển khai các nhiệm vụ và giải pháp phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	1.000	100	900
	-Triển khai nhiệm vụ và giải pháp hoạt động kết nối mạng lưới khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	300	30	270
	-Triển khai nhiệm vụ và giải pháp hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo	1.580	158	1.422
	- Công tác quản lý, hoạt động chung để triển khai hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Tham dự các chương trình, diễn đàn cấp cao về xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo theo phân công của UBT; họp hội đồng, công tác phí, tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết...	150	15	135
	- Tổ chức đoàn học tập về hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước.	200	20	180
	3.5. Hoạt động quản lý Khoa học và công nghệ	7.614	762	6.852
	- Công tác tổ chức quản lý nhà nước về hoạt động khoa học và phát triển công nghệ (quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở, kế hoạch triển khai các nhiệm vụ KHCN năm 2025, 2026, 2027..)	2.376	238	2.138
	+ Tổ chức việc xác định, đặt hàng, tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học, công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở			
	- Hoạt động phát triển tổ chức khoa học và công nghệ; phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ	500	50	450
	-Đào tạo, tập huấn	300	30	270



LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
	<i>Tham gia đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo, trao đổi học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh, tham gia các hoạt động cho các cơ quan Trung ương, địa phương khác tổ chức trao đổi kinh nghiệm)</i>	300	30	270
	<i>- Chi thực hiện hoạt động về lĩnh vực công nghệ (đánh giá, giám định, chuyển giao công nghệ, thẩm định công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ)</i>	2.700	270	2.430
	<i>+ Tổ chức điều tra, đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất; Triển khai, tham gia các nội dung về công nghệ (đánh giá, giám định, chuyển giao công nghệ, thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ các dự án; Quy định chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ Đồng Nai.</i>			
	<i>+ Triển khai, tham gia các nội dung liên quan về nghiên cứu và phát triển công nghệ, uơng tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ.</i>			
	<i>- Chi thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết 57-NQ/TW, Nghị quyết 71/NQCP</i>	1.238	124	1.114
	<i>+ Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng về nghiên cứu khoa học cho công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh</i>			
	<i>+ Tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng quản lý khoa học cho cán bộ, công chức, viên chức quản lý khoa học và công nghệ cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan và các hội nghị triển khai công tác nghiên cứu khoa học cho các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh, các tổ chức khoa học và công nghệ.</i>			
	<i>+ Xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài tỉnh.</i>			
	<i>+ Triển khai Đề án cải cách phương thức quản lý, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với từng loại hình nghiên cứu</i>			
	<i>+ Triển khai danh mục công nghệ quốc gia; xây dựng danh mục và triển khai ứng dụng, phát triển công nghệ chiến lược của tỉnh</i>			

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
	+ Xây dựng và triển khai Kế hoạch triển khai đề án phát triển, trọng dụng nhân tài, nhân lực chất lượng cao, nhất là cán bộ chuyên gia đầu ngành phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh			
	+ Thực hiện các hoạt động nhằm thúc đẩy liên kết 3 nhà (Nhà nước- nhà trường- doanh nghiệp) về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
	+ Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các trường đại học, viện nghiên cứu, các địa phương, quốc gia có trình độ có trình độ khoa học và công nghệ, nhất là với công nghiệp công nghệ chiến lược của tỉnh			
	- Xây dựng hệ sinh thái nghiên cứu và phát triển (R&D) khoa học công nghệ của tỉnh trên cơ sở mô hình liên kết 4 nhà gồm chính quyền tỉnh, doanh nghiệp ngành công nghiệp, các cơ sở giáo dục và các tổ chức R&D	500	50	450
	3.6. Hoạt động lãnh đạo điều hành các nhiệm vụ trọng tâm của Sở;	13.746	1.386	12.360
	- Công tác hướng dẫn, triển khai lập kế hoạch dự toán khcn đmst cđs trên 95/phường xã năm 2026	366	37	329
	-Chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương (PII)	190	19	171
Mã CTMT: 20493	- Chương trình OCOP Chỉ thị 46-CT/TU ngày 27/6/2019 và Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 - CTMTQG	280		280
	NHIỆM VỤ DO CẤP THẨM QUYỀN GIAO CHO ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP (TRỰC THUỘC)	12.910	1.330	11.580
	Truyền thông khoa học công nghệ	6.853	684	6.169
	+ Xuất bản bản tin Khởi nghiệp Đồng Nai	124	12	112
	+ Xuất bản bản tin điện tử về công nghệ thiết bị mới	124	12	112
	+ Xuất bản bản tin: Khoa học và Công nghệ; Kiến thức Khoa học và Công nghệ phục vụ nông thôn mới	2.800	280	2.520
	+ Xuất bản bản tin hoạt động ứng dụng và đổi mới sáng tạo	1.538	154	1.384
	+ Xây dựng và vận hành sàn giao dịch công nghệ thiết bị trực tuyến.	113	11	102



LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
	+ Xây dựng và cập nhật các cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ	184	18	166
	+ Xây dựng cơ sở dữ liệu phim hoạt động khoa học công nghệ	596	60	536
	+ Phát triển cổng thông tin điện tử Khoa học và Công nghệ Đồng Nai và cổng thông tin điện tử khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh (Nhuận bút).	330	33	297
	+ Cung cấp thông tin phục vụ xác định, tuyển chọn, thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của địa phương	42	4	38
	+ Báo cáo thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và báo cáo thông kê về Khoa học và Công nghệ (Theo Thông tư 14, 15 của Bộ KH-CN)	62	6	56
	+ Xây dựng CSDL thông tin và truyền thông khoa học và công nghệ (Xây dựng nội dung thông tin chuyên ngành cập nhật lên Trang Fanpage và Zalo Sở Khoa học và Công nghệ; Xây dựng dữ liệu hình ảnh hoạt động, sự kiện... của ngành KH-CN)	70	7	63
	+ Triển khai công tác thông tin, tuyên truyền theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” và các Kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND, Sở KH-CN	270	27	243
	+ Tổ chức giải thưởng sản phẩm truyền thông khoa học và công nghệ Đồng Nai	600	60	540
	Chuyển đổi số	3.632	363	3.269
	+ Vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hạ tầng công nghệ thông tin cho các cơ quan Đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội (Vận hành, bảo trì Hệ thống Mail Đồng Nai; Vận hành hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến; Hệ thống lắng nghe mạng xã hội; Hệ thống ứng cứu khẩn cấp SOC; Phần mềm quản trị và cấp phát tên miền dongnai.gov.vn; Vận hành Các hệ thống giám sát tại Trung tâm dữ liệu (DC) tỉnh....).	3.500	350	3.150
	+ Phát triển Trang thông tin điện tử Chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai	132	13	119
	Đổi mới sáng tạo	2.425	243	2.182

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
	+ Tổ chức cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Đồng Nai	525	53	472
	+ Tổ chức hội nghị, hội thảo, triển lãm khoa học và công nghệ, chợ công nghệ và thiết bị	1.900	190	1.710
	3.7. CHUYỂN ĐỔI SỐ	72.314	7.232	65.082
	- Thuê phần mềm quản lý văn bản và điều hành giai đoạn 2026	4.800	480	4.320
	- Thuê hệ thống phần mềm hợp không giấy trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026	1.440	144	1.296
	- Thuê hệ thống giải quyết TTHC	6.700	670	6.030
	- Thuê hạ tầng, quản trị vận hành hệ thống tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh 2026	10.300	1.030	9.270
	- Thuê phần mềm lắng nghe mạng xã hội	800	80	720
	- Thuê hệ thống nền tảng giao tiếp Chính quyền – công dân bao gồm điện thoại viên tổng đài 1022, phần mềm 1022 và ứng dụng công dân	6.000	600	5.400
	- Thuê phần mềm, ứng dụng tại trung tâm Giám sát Điều hành đô thị thông minh (IOC) tỉnh	4.179	418	3.761
	- Thuê mạng truyền số liệu chuyên dùng cho các cơ quan giai đoạn 2026	7.148	715	6.433
	- Thuê dịch vụ bảo trì, vận hành công thông tin điện tử tỉnh và các trang thành phần của các sở, ban, ngành, 95 xã/phường, gia hạn ssl, spam-mail, tên miền; nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng, mua sắm thiết bị, module mở rộng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị	1.500	150	1.350
	- Chi phí hoạt động Ban chỉ đạo KHCNĐMSTCĐS	500	50	450
	- Nâng cấp hệ thống phần mềm thông tin báo cáo (LRIS)	1.200	120	1.080
	- Thuê hệ thống IDP và dịch vụ CNTT quản trị vận hành hệ thống trực liên thông tỉnh Đồng Nai	3.447	345	3.102
	- Chuyển dữ liệu hệ thống QLVB từ các hệ thống cũ	1.000	100	900
	- Thuê Dịch vụ Triển Khai AI trên phân hệ phần mềm một cửa điện tử để hỗ trợ cán bộ, công chức, nhất là công chức cấp xã về thẩm quyền, quy trình xử lý hồ sơ cho từng thủ tục hành chính	3.000	300	2.700
	- Thuê Dịch vụ Triển khai AI trên Hệ thống quản lý văn bản, điều hành công việc	3.000	300	2.700

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
	- Thuê dịch vụ chuẩn hóa CSDL ngành đồng bộ, kết nối về Kho dữ liệu số, công dữ liệu mở	6.000	600	5.400
	- Thuê phần mềm trung tâm điều hành thông minh cấp xã (phần mềm IOC) 95 xã/phường	9.350	935	8.415
	- Bưu chính; viễn thông; Tần số vô tuyến điện	1.950	195	1.755
	+ Kiểm tra bưu chính	200	20	180
	+ Kiểm tra viễn thông	300	30	270
	+ Điều tra sản lượng bưu chính công ích	100	10	90
	+ Kế hoạch tập huấn lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện.	200	20	180
	+ Triển khai Kế hoạch hạ tầng số tỉnh Đồng Nai (2025–2030, định hướng 2040)	150	15	135
	+ Hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện (đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo, trao đổi học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước, tham gia các hoạt động do các cơ quan Trung ương, địa phương khác tổ chức.	1.000	100	900



*** Ghi chú:**

- Về việc thực hiện và chấp hành dự toán năm 2026, đề nghị đơn vị thực hiện theo Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/06/2025